

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ GÒ CÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 65/2021/DSST

Ngày: 07/4/2021

V/v tranh chấp: “Hợp đồng vay
tài sản và hợp đồng góp hụi”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GÒ CÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Nhi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Công Mẫn

2. Ông Phạm Danh Hiếu

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị An Thư - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Gò Công;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công tham gia phiên tòa: Ông Mai Hùng Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 4 năm 2021, tại Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 222/2020/TLST-DS, ngày 25/11/2020, về việc tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2021/QĐXXST-DS, ngày 15 tháng 3 năm 2021, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Ấp Tân X, xã L, thị xã G, tỉnh Tiền Giang;

- Bị đơn: Bà Phạm Thị A, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Ấp Tân X, xã L, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

(Bà T xin vắng mặt, bà A có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải - Nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Ngọc T trình bày:

- Ngày 10/5/2020, bà A có vay của tôi 127.000.000 đồng. Sau khi vay, bà A đã trả được 20.000.000 đồng nên còn nợ lại 107.000.000 đồng, đến nay chưa trả.

- Tôi có góp hụi do bà A làm đầu T. Hụi đã mẫn, tôi hốt hụi được số tiền là 169.130.000 đồng, nhưng bà A vỡ hụi nên chưa giao tiền cho tôi.

Đến ngày 08/9/2020, tôi và bà A cộng lại nợ. Bà A có nợ tôi tổng cộng là 276.130.000đ và có viết “*Biên nhận*”. Nay yêu cầu bà A trả cho tôi 276.130.000 đồng làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

** Tại bản tự khai và biên bản hòa giải và tại phiên tòa - Bị đơn, bà Phạm Thị A trình bày:*

Tôi thống nhất việc tôi nợ tiền bà T như bà T trình bày. Tôi còn nợ tiền vay là 107.000.000 đồng và nợ tiền hụi là 169.130.000 đồng. Tổng cộng tôi còn nợ bà T 276.130.000 đồng. Ngày 08/9/2020, tôi có làm “*Biên nhận*” nợ bà T số tiền trên. Nay đồng ý trả bà T số tiền 276.130.000 đồng nhưng do các hụi viên đã hốt hụi, không đóng lại hụi chết nên tôi không có tiền trả cho các hụi viên chưa hốt hụi, trong đó có tiền bà T. Nay xin trả cho bà T mỗi tháng 2.000.000 đồng.

** Ý kiến của Viện kiểm sát:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, thông báo các văn bản tố tụng, cũng như tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Về nội dung giải quyết: Căn cứ Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326//2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của bà A tại phiên tòa. Bà A thừa nhận có nợ bà T 276.130.000 đồng tiền vay và góp hụi nên có nghĩa vụ trả cho bà T. Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà A trả cho bà T số tiền còn nợ là 276.130.000 đồng theo thời gian như bà T yêu cầu. Bà A phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị Ngọc T và bà Phạm Thị A là tranh chấp về “*Hợp đồng góp hụi*” theo khoản 3 điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Ngọc T xin vắng mặt. Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bà T.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc T: Bà T yêu cầu bà A trả số tiền hụi và tiền vay và tiền hụi còn nợ là 276.130.000 đồng. Xét thấy, tại phiên tòa, bà A thừa nhận còn nợ bà T số tiền vay và góp hụi là 276.130.000 đồng theo biên nhận ngày 08/9/2020. Bà A đồng ý trả cho bà T 276.130.000 đồng nên ghi nhận.

Xét về thời gian trả: Bà T yêu cầu bà A trả 276.130.000 đồng làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật. Bà A xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng. Xét thấy, mục

đích của việc tổ chức góp hội là tương trợ vốn làm ăn trong nhân dân. Theo thỏa thuận trong hình thức góp hội là sau khi hội viên hót hội phải có nghĩa vụ đóng hội chết đầy đủ ở các kỳ góp hội tiếp theo. Bà A vỡ hội, không góp hội tiếp nhưng không trả lại tiền cho bà T mà kéo dài đến nay là làm thiệt thòi cho quyền lợi của bà T. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của bà T về việc yêu cầu bà A trả 276.130.000 đồng, trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Xét ý kiến phân tích và đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật, nên được chấp nhận.

Về án phí: Yêu cầu của bà T được chấp nhận nên bà T không phải nộp án phí. Bà A có nghĩa vụ trả tiền nên phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Do bà A có hoàn cảnh kinh tế đang gặp khó khăn nên được giảm 50% số tiền án phí theo qui định tại khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 463, 466 và Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Điều 5, khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc T.
- Buộc bà Phạm Thị A có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc T số tiền hội còn nợ là 276.130.000 (*hai trăm bảy mươi sáu triệu một trăm ba mươi nghìn*) đồng, trả khi án có hiệu lực pháp luật.
- Về án phí:
 - + Bà Phạm Thị A phải nộp 13.806.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm; được giảm 50% số tiền án phí. Bà A còn phải nộp 6.903.250 (*sáu triệu chín trăm lẻ ba nghìn hai trăm năm mươi*) đồng, án phí.
 - + Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.903.250 (*sáu triệu chín trăm lẻ ba nghìn hai trăm năm mươi*) đồng theo biên lai thu số 0019145, ngày 25/11/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã G.

Đến hạn trả tiền, nếu bà Phạm Thị A không thực hiện việc trả tiền theo thời gian trên thì hàng tháng phải trả thêm khoản lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Phạm Thị A có quyền kháng cáo bản án đến Tòa án tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Bà Nguyễn Thị Ngọc T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND TXGC;
- THA Dân sự TXGC;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN THỊ HOÀNG NHI